

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 41

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, là một doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp Dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã được chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 6 tháng 5 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên
Bà Hà Lan Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Công Việt Hải	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Hàn Thị Khánh Vinh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Công Việt Hải - Tổng Giám đốc được Bà Hàn Thị Khánh Vinh ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 2368/GUQ-CPC1 ngày 27 tháng 12 năm 2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Công Việt Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12846136/67371264

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) được lập ngày 8 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1



Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		979.378.640.791	1.003.412.684.845
110	I. Tiền	4	27.898.593.898	28.789.581.773
111	1. Tiền		27.898.593.898	28.789.581.773
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		603.349.512.987	589.292.140.100
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	547.198.955.438	590.786.638.053
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	56.390.085.979	1.895.796.437
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.615.433.786	2.352.385.977
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(2.854.962.216)	(5.742.680.367)
140	III. Hàng tồn kho	8	335.797.786.113	370.496.224.326
141	1. Hàng tồn kho		378.956.598.812	388.197.677.572
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(43.158.812.699)	(17.701.453.246)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		12.332.747.793	14.834.738.646
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	2.174.781.711	838.358.176
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.019.437.979	13.975.129.563
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	138.528.103	21.250.907
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		155.362.414.241	156.519.760.874
220	I. Tài sản cố định		93.835.244.759	96.845.268.832
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	65.970.011.959	68.980.036.032
222	Nguyên giá		210.706.863.988	209.180.275.532
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(144.736.852.029)	(140.200.239.500)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	27.865.232.800	27.865.232.800
228	Nguyên giá		30.571.666.000	30.571.666.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	11	31.451.046.339	31.471.181.379
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		32.511.198.461	32.511.198.461
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.060.152.122)	(1.040.017.082)
260	III. Tài sản dài hạn khác		30.076.123.143	28.203.310.663
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	26.196.957.190	28.203.310.663
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	3.879.165.953	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.134.741.055.032	1.159.932.445.719

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		783.246.454.083	888.590.017.962
310	I. Nợ ngắn hạn		783.246.454.083	888.590.017.962
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	408.477.686.594	571.634.182.849
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		670.090.316	4.576.597.475
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.722.338.021	2.909.790.687
314	4. Phải trả người lao động		10.573.663.880	8.750.862.420
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.211.318.830	4.756.258.585
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	14.932.361.693	12.413.517.721
320	7. Vay ngắn hạn	17	334.986.943.470	281.844.371.946
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	672.051.279	1.704.436.279
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		351.494.600.949	271.342.427.757
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	351.494.600.949	271.342.427.757
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		209.790.000.000	209.790.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.790.000.000	209.790.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.444.991.780	2.444.991.780
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		139.259.609.169	59.107.435.977
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		25.320.830.327	12.119.443.827
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		113.938.778.842	46.987.992.150
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.134.741.055.032	1.159.932.445.719



Người lập
Ninh Thị Thu Hiền



Kế toán trưởng
Đặng Thị Dự



Tổng Giám đốc
Công Việt Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.158.359.154.152	2.159.564.636.491
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	(100.577.544)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	2.158.359.154.152	2.159.464.058.947
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(1.805.186.497.883)	(1.865.743.565.213)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		353.172.656.269	293.720.493.734
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	16.601.376.462	13.115.665.237
22	7. Chi phí tài chính	23	(57.544.904.394)	(59.380.497.788)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		(17.779.579.670)	(20.699.715.878)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(130.825.196.865)	(146.263.350.560)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(36.385.272.478)	(35.950.783.356)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		145.018.658.994	65.241.527.267
31	11. Thu nhập khác		374.395.643	285.648.801
32	12. Chi phí khác		(327.038.145)	(45.472.696)
40	13. Lợi nhuận khác		47.357.498	240.176.105
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		145.066.016.492	65.481.703.372
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(33.006.403.606)	(14.993.711.222)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	3.879.165.953	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		115.938.778.839	50.487.992.150
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	4.809	2.129
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	4.809	2.129



Người lập
Ninh Thị Thu Hiền



Kế toán trưởng
Đặng Thị Dư



Tổng Giám đốc
Công Việt Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		145.066.016.492	65.481.703.372
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và chi phí phân bổ tiền sử dụng đất	25	7.721.462.641	8.443.665.672
03	Các khoản dự phòng		28.751.697.546	16.375.749.255
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.738.570.900	2.900.787.636
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.787.857.747)	(2.766.675.917)
06	Chi phí lãi vay	23	17.779.579.670	20.699.715.878
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		206.269.469.502	111.134.945.896
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(7.331.240.348)	65.649.872.778
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		3.079.157.556	(102.295.103.008)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(173.202.423.533)	116.608.457.588
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(351.316.330)	2.306.632.846
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.824.581.925)	(20.631.275.333)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.000.000.000)	(13.663.251.842)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(5.350.490.647)	(5.510.680.362)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(21.711.425.725)	153.599.598.563
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(3.690.192.300)	(6.127.773.104)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		365.637.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(7.333.326.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.422.220.747	2.415.175.917
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(902.334.553)	(11.045.923.187)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		763.316.612.738	785.090.039.222
34	Tiền trả nợ gốc vay		(710.174.041.214)	(881.519.899.092)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.440.531.000)	(37.786.829.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		21.702.040.524	(134.216.689.070)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(911.719.754)	8.336.986.306
60	Tiền đầu năm		28.789.581.773	20.433.962.843
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		20.731.879	18.632.624
70	Tiền cuối năm	4	27.898.593.898	28.789.581.773



[Signature]

Người lập
Ninh Thị Thu Hiền

[Signature]

Kế toán trưởng
Đặng Thị Dư

[Signature]

Tổng Giám đốc
Công Việt Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, là một doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xi nghiệp Dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã được chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 6 tháng 5 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 308 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 323 người).

Cấu trúc Công ty

Trong năm 2023, Công ty có 1 cơ sở bán buôn và 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc (“đơn vị trực thuộc”). Chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Cơ sở bán buôn số 1	Quầy 438, tầng 4, Trung tâm Phân phối Dược phẩm và Trang thiết bị Hapulico, tòa nhà 24T1, đường Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 297/24A, đường Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 146, ngõ 3, đường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 75-76-77, khu Dân cư, số 2, đường Phần Lãng, phường An Khê, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Nghệ An	Số 11, đường Lênin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Các giao dịch đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm, thu hộ, chi hộ,... giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được cần trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ là hàng hóa với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo vào ngày 21 tháng 10 năm 2005 và ngày 21 tháng 2 năm 2017 với thời hạn thuê lần lượt là từ ngày 21 tháng 10 năm 2005 đến ngày 21 tháng 10 năm 2050 và từ ngày 21 tháng 2 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2050. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và được nghiệm thu, xác nhận bởi khách hàng.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.001.846.774	255.581.478
Tiền gửi ngân hàng	26.896.747.124	28.534.000.295
TỔNG CỘNG	27.898.593.898	28.789.581.773

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Bệnh viện Tim Hà Nội	23.994.227.780	567.428.740
Bệnh viện Bạch Mai	21.867.454.773	13.978.069.220
Bệnh Viện Chợ Rẫy	15.833.350.000	19.566.172.227
Trung tâm giám định bảo hiểm y tế và thanh toán địa tuyến	15.578.277.232	25.389.827.483
Bệnh viện Quân Y 175	15.020.331.096	4.511.828.662
Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	7.511.742.045	2.066.331.200
Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	7.237.204.501	13.770.158.950
Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	7.201.378.000	4.832.339.370
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình	7.161.048.696	6.011.068.850
Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Bình Dương	6.455.929.305	5.035.636.155
Phải thu khách hàng khác	419.338.012.010	495.057.777.196
TỔNG CỘNG	547.198.955.438	590.786.638.053
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(2.854.962.216)</i>	<i>(5.742.680.367)</i>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Panpharma GmbH	24.544.063.311	-
Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	16.078.346.257	630.000.000
Bay Pharma Inc	6.876.671.040	-
Trả trước cho người bán khác	8.891.005.371	765.796.437
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	500.000.000
TỔNG CỘNG	56.390.085.979	1.895.796.437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải thu liên quan đến hàng nhập khẩu ủy thác (*)	223.678.656	-	1.970.495.581	-
Ký quỹ, ký cược	2.044.281.652	-	29.685.900	-
Phải thu ngắn hạn khác	347.473.478	-	352.204.496	-
TỔNG CỘNG	2.615.433.786	-	2.352.385.977	-

(*) Đây là các khoản phải thu từ các bên giao ủy thác nhập khẩu liên quan đến giá trị các lô hàng nhập khẩu ủy thác đã hoàn thành trong năm và đã được Công ty thanh toán cho nhà cung cấp nhưng chưa được bên giao ủy thác hoàn trả.

7. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Bệnh Viện 30-4 Trung Tâm Y Tế Thành phố Phan Thiết	1.180.366.679	590.183.340	994.586.679	696.210.675
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Thái Bình	474.000.000	-	474.378.000	142.389.000
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi khác	423.804.500	-	623.804.500	-
	3.199.089.561	1.832.115.184	12.888.318.658	8.399.807.795
TỔNG CỘNG	5.277.260.740	2.422.298.524	14.981.087.837	9.238.407.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi trên đường	30.783.737.714	-	111.887.545.859	-
Hàng hóa	<u>348.172.861.098</u>	<u>(43.158.812.699)</u>	<u>276.310.131.713</u>	<u>(17.701.453.246)</u>
TỔNG CỘNG	<u>378.956.598.812</u>	<u>(43.158.812.699)</u>	<u>388.197.677.572</u>	<u>(17.701.453.246)</u>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	17.701.453.246	16.089.781.488
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	31.619.280.657	17.219.107.732
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	<u>(6.161.921.204)</u>	<u>(15.607.435.974)</u>
Số cuối năm	<u>43.158.812.699</u>	<u>17.701.453.246</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	151.944.878.712	32.416.005.588	21.486.734.134	3.332.657.098	209.180.275.532
- Mua trong năm	-	481.517.000	3.208.675.300	-	3.690.192.300
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.163.603.844)	-	(2.163.603.844)
Số dư cuối năm	151.944.878.712	32.897.522.588	22.531.805.590	3.332.657.098	210.706.863.988
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	79.649.290.922	22.784.615.157	12.248.074.440	2.003.726.941	116.685.707.460
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	95.012.909.833	26.435.429.703	16.022.965.869	2.728.934.095	140.200.239.500
- Khấu hao trong năm	3.514.434.145	1.608.969.951	1.298.443.891	278.368.386	6.700.216.373
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.163.603.844)	-	(2.163.603.844)
Số dư cuối năm	98.527.343.978	28.044.399.654	15.157.805.916	3.007.302.481	144.736.852.029
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	56.931.968.879	5.980.575.885	5.463.768.265	603.723.003	68.980.036.032
Số dư cuối năm	53.417.534.734	4.853.122.934	7.373.999.674	325.354.617	65.970.011.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	<u>27.870.452.800</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>30.571.666.000</u>
Số dư cuối năm	<u>27.870.452.800</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>30.571.666.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	<u>5.220.000</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>2.706.433.200</u>
Số dư cuối năm	<u>5.220.000</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>2.706.433.200</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>27.865.232.800</u>	<u>-</u>	<u>27.865.232.800</u>
Số dư cuối năm	<u>27.865.232.800</u>	<u>-</u>	<u>27.865.232.800</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (i)	2.666.666	27.776.985.675	-	362.399.909.400	2.666.666	27.776.985.675	-	239.999.940.000
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (i)	67.082	2.790.867.722	(1.060.152.122)	1.730.715.600	67.082	2.790.867.722	(1.040.017.082)	1.750.850.640
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (i)	99.825	971.029.662	-	1.697.025.000	99.825	971.029.662	-	1.377.585.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm (i)	17.600	300.659.375	-	311.520.000	17.600	300.659.375	-	413.600.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vicipha (i)	18.000	472.871.724	-	702.000.000	18.000	472.871.724	-	671.040.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	18.000	197.784.303	-	(ii)	18.000	197.784.303	-	(ii)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	10	1.000.000	-	(ii)	10	1.000.000	-	(ii)
TỔNG CỘNG		32.511.198.461	(1.060.152.122)			32.511.198.461	(1.040.017.082)	

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty này được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(ii) Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của giá trị đầu tư tại các công ty này do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí bản quyền phần mềm	1.608.721.989	-
Chi phí thuê	50.400.000	44.000.000
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	348.011.278	205.833.333
Khác	167.648.444	588.524.843
TỔNG CỘNG	<u>2.174.781.711</u>	<u>838.358.176</u>
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	25.955.233.124	26.976.479.392
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	241.724.066	1.226.831.271
TỔNG CỘNG	<u>26.196.957.190</u>	<u>28.203.310.663</u>

13. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	408.413.019.443	408.413.019.443	571.149.751.398	571.149.751.398
- Công ty TNHH Hyphens Pharma	106.912.001.978	106.912.001.978	164.895.920.295	164.895.920.295
- RV Group (S) PTE. LTD	58.402.205.334	58.402.205.334	-	-
- Angeion Medical International Pte. Ltd.	47.651.389.646	47.651.389.646	10.412.769.866	10.412.769.866
- Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	31.824.196.277	31.824.196.277	62.149.796.667	62.149.796.667
- Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	30.841.873.920	30.841.873.920	24.799.480.992	24.799.480.992
- Công ty TNHH MI Pharma	-	-	103.423.171.419	103.423.171.419
- Phải trả khác	132.781.352.288	132.781.352.288	205.468.612.159	205.468.612.159
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	64.667.151	64.667.151	484.431.451	484.431.451
TỔNG CỘNG	<u>408.477.686.594</u>	<u>408.477.686.594</u>	<u>571.634.182.849</u>	<u>571.634.182.849</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Số phát sinh tăng trong năm	Số đã cân trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Đơn vị tính: VND
	Phải thu	Phải nộp				Phải thu	Phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	21.250.907	84.306.378	137.231.845.964	(136.461.194.543)	(353.026.592)	138.528.103	619.208.403	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	63.817.926.059	-	(63.817.926.059)	-	-	
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	1.323.412.543	-	(1.323.412.543)	-	-	
Thuế sử dụng đất	-	-	4.659.087.466	-	(4.659.087.466)	-	-	
Thuế thu nhập cá nhân	-	440.123.202	2.552.563.952	-	(2.446.546.396)	-	546.140.758	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.384.424.338	33.006.403.606	-	(27.000.000.000)	-	8.390.827.944	
Các loại thuế khác	-	936.769	359.071.500	-	(193.847.353)	-	166.160.916	
TỔNG CỘNG	21.250.907	2.909.790.687	242.950.311.090	(136.461.194.543)	(99.793.846.409)	138.528.103	9.722.338.021	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí thường kinh doanh trích trước	2.973.062.500	4.473.000.000
Chi phí lãi vay trích trước	238.256.330	283.258.585
TỔNG CỘNG	<u>3.211.318.830</u>	<u>4.756.258.585</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả hàng ủy thác (i)	11.710.713.917	10.207.943.344
Cổ tức phải trả	170.810.000	142.841.000
Kinh phí công đoàn	36.770.260	38.235.540
Các khoản phải trả khác	3.014.067.516	2.024.497.837
TỔNG CỘNG	<u>14.932.361.693</u>	<u>12.413.517.721</u>

(i) Đây là các khoản phải trả liên quan đến nghiệp vụ nhập khẩu được ủy thác.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	17.1	254.828.371.946	754.276.612.738	(691.229.041.214)	317.875.943.470	317.875.943.470	
Vay ngắn hạn cá nhân	17.2	27.016.000.000	9.040.000.000	(18.945.000.000)	17.111.000.000	17.111.000.000	
TỔNG CỘNG		281.844.371.946	763.316.612.738	(710.174.041.214)	334.986.943.470	334.986.943.470	

17.1. Vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	71.538.952.701	Kỳ hạn vay 6 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 20 tháng 5 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	4,3% - 7,97%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	54.191.834.098	Kỳ hạn vay 5,5 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 7 tháng 6 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	2,8% - 8,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 2	45.064.163.252	Kỳ hạn vay 6 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 27 tháng 6 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	3,5% - 8,6%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	34.588.093.913	Kỳ hạn vay 5 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 22 tháng 5 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	5,0% - 8,5%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	14.680.202.975	Kỳ hạn vay 5 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 21 tháng 3 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	5,0% - 5,8%	Tín chấp

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

17.1. Vay ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Sở Giao Dịch	32.351.113.208	Kỳ hạn vay 5,5 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 27 tháng 5 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	3,3% - 5,1%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao Dịch	22.053.327.524	Kỳ hạn vay 6 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 7 tháng 6 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	3,3% - 3,8%	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	19.559.455.839	Kỳ hạn vay 6 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 28 tháng 6 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	3,5% - 8,6%	Tin chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	15.454.076.884	Kỳ hạn vay 6 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 26 tháng 4 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%	Tin chấp
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô	8.394.723.076	Kỳ hạn vay 6 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 14 tháng 4 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.	5%	Tin chấp

TỔNG CỘNG

317.875.943.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

17.2. Vay cá nhân

Chi tiết các khoản vay cá nhân được trình bày như sau:

Cá nhân	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Vay cá nhân	17.111.000.000	Thanh toán nợ gốc khi có yêu cầu. Lãi vay phải trả hàng quý.	5 - 8,3%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>17.111.000.000</u>			

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.704.436.279	1.714.140.029
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 19.1)	4.318.105.647	5.500.976.612
Sử dụng trong năm	<u>(5.350.490.647)</u>	<u>(5.510.680.362)</u>
Số cuối năm	<u>672.051.279</u>	<u>1.704.436.279</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số dư đầu năm	209.790.000.000	2.444.991.780	51.882.620.439	264.117.612.219
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	50.487.992.150	50.487.992.150
- Chia cổ tức	-	-	(37.762.200.000)	(37.762.200.000)
- Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	-	-	(312.000.000)	(312.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng do hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2021	-	-	(1.688.976.612)	(1.688.976.612)
- Tạm trích quỹ phúc lợi năm 2022	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Số dư cuối năm	<u>209.790.000.000</u>	<u>2.444.991.780</u>	<u>59.107.435.977</u>	<u>271.342.427.757</u>
Năm nay				
Số dư đầu năm	209.790.000.000	2.444.991.780	59.107.435.977	271.342.427.757
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	115.938.778.839	115.938.778.839
- Chia cổ tức (*)	-	-	(31.468.500.000)	(31.468.500.000)
- Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (*)	-	-	(314.666.667)	(314.666.667)
- Trích quỹ khen thưởng do hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2022 (*)	-	-	(2.003.438.980)	(2.003.438.980)
- Tạm trích quỹ phúc lợi năm 2023 (*)	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư cuối năm	<u>209.790.000.000</u>	<u>2.444.991.780</u>	<u>139.259.609.169</u>	<u>351.494.600.949</u>

(*) Công ty đã thực hiện chia cổ tức và trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022 và tạm trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023 căn cứ theo Nghị quyết số 26/NQĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường	Tổng số (VND)	Cổ phiếu thường
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	137.215.500.000	13.721.550	137.215.500.000	13.721.550
Ông Lê Nam Thắng	17.000.000.000	1.700.000	17.000.000.000	1.700.000
Bà Lê Thị Kim Ánh	15.188.000.000	1.518.800	15.188.000.000	1.518.800
Ông Nguyễn Doãn Liên	12.109.400.000	1.210.940	12.109.400.000	1.210.940
Cổ đông khác	28.277.100.000	2.827.710	28.277.100.000	2.827.710
TỔNG CỘNG	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu).

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	209.790.000.000	209.790.000.000
Số cuối năm	209.790.000.000	209.790.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.468.500.000	37.762.200.000

19.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức năm 2021: 1.800 VND/cổ phiếu	-	37.762.200.000
Cổ tức năm 2022: 1.500 VND/cổ phiếu	31.468.500.000	-
Cổ tức đã trả trong năm		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2020: 1.600 VND/cổ phiếu	-	167.470.200
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2021: 1.800 VND/cổ phiếu	142.841.000	37.619.359.000
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2022: 1.500 VND/cổ phiếu	31.297.690.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đã được duyệt	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	1.533.462.787	19.153.024.324
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	14.044	22.524
- Euro (EUR)	14.938	14.924

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.158.359.154.152	2.159.564.636.491
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	2.139.217.757.675	2.139.184.221.653
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.141.396.477	20.380.414.838
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(100.577.544)
Hàng bán bị trả lại	-	(100.577.544)
DOANH THU THUẦN	2.158.359.154.152	2.159.464.058.947
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.155.774.308.832	2.156.670.905.827
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 27)	2.584.845.320	2.793.153.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.179.155.715	10.700.489.320
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.389.125.300	2.371.152.000
Lãi tiền gửi	33.095.447	44.023.917
TỔNG CỘNG	16.601.376.462	13.115.665.237

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	1.773.567.217.226	1.848.524.457.481
Dự phòng hàng tồn kho	31.619.280.657	17.219.107.732
TỔNG CỘNG	1.805.186.497.883	1.865.743.565.213

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	17.779.579.670	20.699.715.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.006.618.784	34.739.977.192
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.738.570.900	2.900.787.636
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	20.135.040	1.040.017.082
TỔNG CỘNG	57.544.904.394	59.380.497.788

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	55.912.089.267	53.059.519.563
Chi phí vật liệu, bao bì	7.797.325.932	8.422.630.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.646.635.880	46.897.457.685
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.520.268.625	7.416.798.571
Chi phí bán hàng khác	30.948.877.161	30.466.944.651
TỔNG CỘNG	<u>130.825.196.865</u>	<u>146.263.350.560</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	11.944.200.075	12.147.150.978
Chi phí thuê đất	5.583.120.976	5.546.686.608
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.887.718.151)	(1.883.375.559)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.687.145.783	6.806.067.921
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.058.523.795	13.334.253.408
TỔNG CỘNG	<u>36.385.272.478</u>	<u>35.950.783.356</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa để bán	1.773.567.217.226	1.848.524.457.481
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.188.443.984	8.422.630.090
Chi phí nhân công	67.856.289.342	65.206.670.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.333.781.663	58.228.965.947
Chi phí khấu hao, hao mòn và chi phí phân bổ tiền sử dụng đất	7.721.462.641	8.443.665.672
Trích lập dự phòng	28.731.562.506	15.335.732.173
Chi phí khác	49.998.209.864	43.795.577.225
TỔNG CỘNG	<u>1.972.396.967.226</u>	<u>2.047.957.699.129</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.572.359.219	14.993.711.222
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	434.044.387	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.879.165.953)	-
TỔNG CỘNG	<u>29.127.237.653</u>	<u>14.993.711.222</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145.066.016.492	65.481.703.372
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	29.013.203.298	13.096.340.674
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Dự phòng hàng tồn kho không đạt chất lượng	-	2.307.906.409
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	157.815.028	63.694.539
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	434.044.387	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(477.825.060)	(474.230.400)
Chi phí thuế TNDN	<u>29.127.237.653</u>	<u>14.993.711.222</u>

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng hàng tồn kho	3.879.165.953	-	3.879.165.953	-
			3.879.165.953	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3.879.165.953	-		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty đầu tư dài hạn khác
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương	Công ty con của Công ty mẹ
Codupha	
Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 -	Công ty có chung thành viên Hội đồng
Pharbaco	Quản trị
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Công Việt Hải	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Kiểm soát viên
Bà Hà Lan Anh	Kiểm soát viên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố và đã trả	20.582.325.000	24.698.790.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty đầu tư dài hạn khác	Doanh thu dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ Cổ tức công bố và đã trả Cổ tức đã nhận	2.172.345.320 - 2.133.332.800	2.118.153.120 1.213.155.925 5.400.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	412.500.000 2.994.902.100	675.000.000 1.135.380.150
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Mua hàng hóa và dịch vụ	93.622.842	83.732.626
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Mua hàng hóa và dịch vụ	437.932.286	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị	Đặt cọc mua hàng	-	500.000.000
TỔNG CỘNG			-	500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13)</i>				
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	64.667.151	4.532.451
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Công ty đầu tư dài hạn khác	Mua hàng hóa	-	479.899.000
TỔNG CỘNG			64.667.151	484.431.451

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Chủ tịch HĐQT	84.000.000	84.000.000
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Huy Thanh	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thùy Dung	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Tổng Giám đốc đến ngày 1 tháng 4 năm 2022 Thành viên HĐQT	60.000.000	324.845.455
Ông Công Việt Hải	Tổng Giám đốc	753.476.245	530.223.278
Bà Nguyễn Thị Hòa	Phó Tổng Giám đốc	567.429.819	567.877.116
Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	501.249.996	524.238.635
TỔNG CỘNG		2.146.156.060	2.211.184.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang đi thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.793.838.472	4.793.838.472
Từ 1 - 5 năm	23.467.217.700	23.467.217.700
Trên 5 năm	67.117.183.710	71.810.627.250
TỔNG CỘNG	<u>95.378.239.882</u>	<u>100.071.683.422</u>

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	115.938.778.839	50.487.992.150
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích theo kế hoạch	<u>(15.055.483.493)</u>	<u>(5.818.105.647)</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>100.883.295.346</u>	<u>44.669.886.503</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>20.979.000</u>	<u>20.979.000</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>20.979.000</u>	<u>20.979.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.809	2.129
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.809	2.129

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh giảm khoản tạm trích các quỹ khen thưởng và phúc lợi cho Ban điều hành, cán bộ công nhân viên và quỹ thưởng do hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 26/NQĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập
Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng
Đặng Thị Dư



Tổng Giám đốc
Công Việt Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

